

(Đề có 02 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

A. Chọn và viết một chữ cái in hoa (A, B, C hoặc D) đứng trước phương án đúng nhất trong mỗi câu sau vào bài làm. (2,0 điểm)

Câu 1: Bạn An tìm kiếm thông tin trên mạng Internet và lập được bảng về số tuổi của một số loài động vật trong vườn thú như sau:

Động vật	Thỏ	Cáo	Hươu cao cổ	Cá voi cái	Sư tử	Gấu
Tuổi thọ (năm)	10	22	28	29	35	30

Động vật sống thọ nhất trong các loài trên là:

- A. Gấu; B. Cá voi cái; C. Sư tử; D. Hươu cao cổ.

Câu 2: Tuổi thọ của Hươu cao cổ thấp hơn Sư tử là

- A. 2 năm; B. 5 năm; C. 7 năm; D. 10 năm.

Câu 3: Tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi gieo một con xúc xắc 6 mặt là

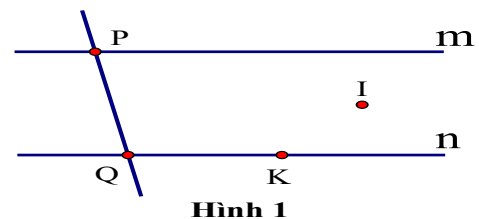
- A. 1; 2; 3; 4; 5; 6; B. $Y = 6$; C. 6; D. $Y = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 4: Nếu tung một đồng xu 12 lần liên tiếp thì, có 5 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{5}{12}$; B. $\frac{12}{5}$; C. $\frac{12}{7}$; D. $\frac{7}{12}$

Câu 5: Cho hình vẽ 1 sau. Trên hình vẽ 1 có bao nhiêu điểm và đường thẳng:

- A. 3 điểm và 2 đường thẳng;
B. 3 điểm và 3 đường thẳng;
C. 4 điểm và 3 đường thẳng;
D. 2 điểm và 3 đường thẳng.



Hình 1

Câu 6: Cũng từ hình 1 trên. Chọn câu đúng trong các câu sau:

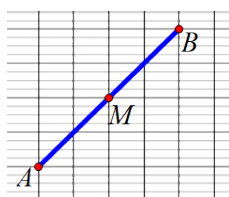
- A. $Q \in m$; B. $P \in m$; $I \in m$; C. $K \in n$; D. $K \in n$; $Q \in n$.

Câu 7: Cho ba điểm A, B, C thuộc đường thẳng xy như hình vẽ. Trên hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng?

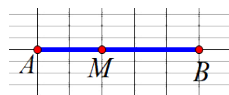


- A. 1; B. 2; C. 3; D. 4

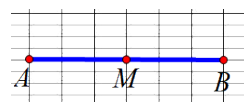
Câu 8: Cho hình vẽ bên. Hình biểu diễn điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB là:



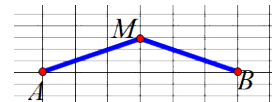
Hình 1



Hình 2



Hình 3



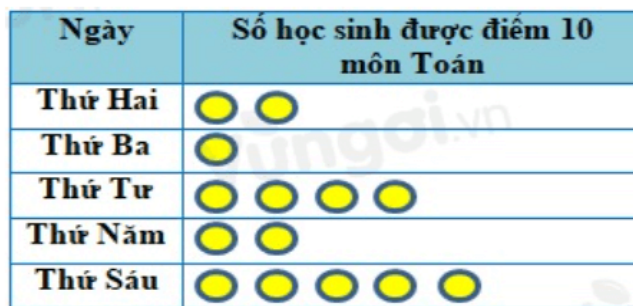
Hình 4

- A. Hình 3; B. Hình 1 và Hình 3; C. Hình 1 và Hình 4; D. Hình 2 và Hình 3

B. Câu trắc nghiệm đúng sai (1,0 điểm). Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 9, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy bài làm.

Câu 9: Cho biểu đồ tranh: số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Toán trong tuần như sau:

- a) Ngày thứ Ba số HS đạt điểm 10 môn Toán ít nhất;
b) HS đạt điểm 10 môn Toán ngày thứ Hai và thứ Năm là như nhau;
c) Xác suất để học sinh đạt điểm 10 vào ngày thứ Năm là $\frac{2}{7}$;
d) Tổng điểm 10 môn Toán cả tuần là 14 HS.



● = 1 học sinh

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 10: (1,0 điểm) Dùng kí hiệu $\in$; $\notin$ để ghi lại cách diễn đạt sau: “Đường thẳng a chứa điểm M và không chứa điểm P. Điểm O thuộc đường thẳng a và không thuộc đường thẳng b.”

Câu 11: (2,0 điểm) Một cửa hàng bán kính ghi lại số màu kính đã bán được trong tháng bằng bảng số liệu sau:

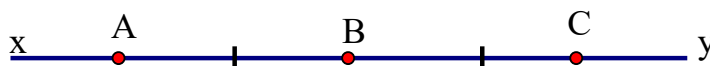
Màu kính	Trắng	Đen	Xanh	Trắng bạc	Vàng kim
Số lượng kính bán (cái)	6	40	10	35	12

- a) Hãy nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?
b) Loại kính màu nào cửa hàng bán được nhiều nhất, bán được ít nhất?
c) Tính tổng số lượng kính bán được của cửa hàng đó trong tháng ?
d) Cửa hàng nên nhập về nhiều hơn **những loại** kính màu nào để bán trong tháng tiếp theo?

Câu 12: (2,0 điểm) Một hộp có 3 quả bóng: 1 quả bóng xanh; 1 quả bóng đỏ; 1 quả bóng vàng, các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp

- a) Cho biết những kết quả có thể xảy ra với quả bóng được lấy ra?
b) Nếu lấy bóng 20 lần liên tiếp có 10 lần xuất hiện bóng đỏ; 7 lần xuất hiện bóng vàng, 3 lần xuất hiện quả bóng xanh. Hãy dùng phân số để mô tả xác suất thực nghiệm lấy được **mỗi màu** bóng.
c) Vẫn với thí nghiệm trên, bạn An chơi trò chơi sau: Nếu lấy được **bóng đỏ** thì An được 1 điểm, các trường hợp khác không được điểm. Hỏi xác suất thực nghiệm để An **được điểm** là bao nhiêu?

Câu 13 (2,0 điểm): Cho đường thẳng xy và 3 điểm A, B, C như hình vẽ sau.



- a) Điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
b) Vì sao 3 điểm A, B, C thẳng hàng?
c) Vì sao B là trung điểm của đoạn thẳng AC?
d) Cho $AC = 8$ cm. Tính độ dài AB và BC?

-----HẾT-----

TRƯỜNG THCS BÌNH THẮNG TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN	HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC: 2025 – 2026 MÔN: TOÁN – KHỐI 6 Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)
---	---

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

A. Chọn và viết một chữ cái in hoa (A, B, C hoặc D) đứng trước phương án đúng nhất trong mỗi câu sau vào bài làm. (2,0 điểm)

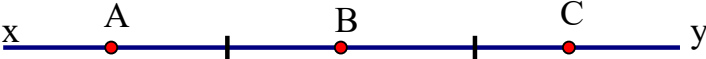
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	D	A	C	D	C	B

B. Câu trắc nghiệm đúng sai (1,0 điểm). Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 9, học sinh ghi đúng hoặc sai vào giấy bài làm.

a) Đúng, b) Đúng, c) Sai, d) Đúng

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung					Điểm	
10 (1,0đ)		“Đường thẳng a chứa điểm M và không chứa điểm P. Điểm O thuộc đường thẳng a và không thuộc đường thẳng b.”						
		$M \in a; P \notin a; O \in a; O \notin b$ (mỗi ý 0,25 đ)					1,0đ	
11 (2,0đ)	Một cửa hàng bán kính ghi lại số màu kính đã bán được trong tháng bằng bảng số liệu sau:							
			Màu kính	Trắng	Đen	Xanh	Trắng bạc	Vàng kim
			Số lượng kính bán (cái)	6	40	10	35	12
	a)	- Đối tượng: số màu kính đã bán trong tháng của một cửa hàng. - Tiêu chí: số lượng kính đã bán được của mỗi màu kính.					0,25đ 0,25đ	
	b)	Cửa hàng bán được nhiều nhất là kính màu đen, bán được ít nhất là kính màu trắng.					0,5đ	
	c)	$6 + 40 + 10 + 35 + 12 = 103$ (cái)					0,5đ	
	d)	Cửa hàng nên nhập về nhiều hơn những loại kính màu đen và màu trắng bạc để bán trong tháng tiếp theo.					0,5đ	
12 (2,0đ)	Một hộp có 1 quả bóng xanh; 1 quả bóng đỏ; 1 quả bóng vàng, các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp Nếu lấy bóng 20 lần liên tiếp có 10 lần xuất hiện bóng đỏ; 7 lần xuất hiện bóng vàng, 3 lần xuất hiện quả bóng xanh							
	a)	Có 3 kết quả có thể xảy ra tương ứng 3 màu của quả bóng: đỏ; xanh và vàng.					0,5đ	

	b)	Xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu đỏ là: $\frac{10}{20} = \frac{1}{2}$ Xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu vàng là: $\frac{7}{20}$ Xác suất thực nghiệm lấy được bóng màu xanh là: $\frac{3}{20}$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
	c)	Xác suất thực nghiệm để An được điểm là $\frac{10}{20} = \frac{1}{2}$	0,5 đ
13 (2,0đ)			
	a)	Điểm B nằm giữa 2 điểm A và C.	0,5đ
	b)	Vì 3 điểm A, B, C cùng thuộc đường thẳng xy.	0,5đ
	c)	Điểm B là trung điểm của đoạn thẳng AC vì: B nằm giữa 2 điểm A và C và $AB = BC$	0,5đ
	d)	Vì B là trung điểm của đoạn thẳng AC Nên: $AB = BC = \frac{1}{2} AC = 8 : 2 = 4$ (cm)	0,5đ

Chú ý: Tất cả các câu trong bài kiểm tra nếu cách làm khác đúng vẫn đạt điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở điểm của đáp án.

---HẾT---